

Bản án số: **164/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 28/3/2022

V/v tranh chấp “Ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Trúc Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Bền.

2. Ông Tạ Công Minh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Tấn Dũ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Trần Ngọc Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 05/2022/TLST-HNGĐ ngày 07/01/2022 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/3/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15/3/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Nguyễn Thị D**, sinh năm 1990;

Địa chỉ: ấp TL, xã BT, huyện CGT, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* **Trần Hữu N**, sinh năm 1983;

Địa chỉ: ấp TP, xã TLT, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

(chị D có mặt; anh N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai cùng ngày 02/11/2021, và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Nguyễn Thị D trình bày:*

Chị và anh Trần Hữu N có thời gian quen biết tình cảm khoảng 3 năm, sau đó hai người làm đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Lý Tây, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang vào ngày 14/11/2017, theo giấy chứng nhận kết hôn số 66/2017. Sau khi cưới, anh N về huyện Gò Công Tây sống cùng chị bên gia đình cha mẹ ruột của chị. Trước và sau khi cưới, nghề nghiệp của anh N là thợ hồ, hay đi làm xa nhà, thường 02 ngày cuối tuần về thăm chị. Sau 04 tháng chung sống, anh N ít về, chị có hỏi thì anh N lấy lý do là đi đám tiệc bạn bè nên không về được. Đến cuối năm 2018, anh N bỏ nhà đi không về nữa, anh chị không gặp mặt nhau từ đó. Chị có điện thoại hỏi lý do thì anh N nói là vợ chồng sống không hợp nữa nên đề nghị chị làm đơn ly hôn. Sự việc của anh chị, hai bên mẹ cha đều biết, nhưng cũng không có biện pháp nào để giúp anh chị hàn gắn. Anh chị đã sống ly thân từ cuối năm 2018 cho đến nay. Thời gian xa nhau lâu, tình cảm của chị dành cho anh N nay cũng không còn, nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị các vấn đề sau:

- Về hôn nhân: Chị yêu cầu được ly hôn với anh N.
- Về con chung: Không có.
- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

** Bị đơn anh Trần Hữu N vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, mặc dù anh đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập tham dự các phiên hòa giải, công khai chứng cứ, tham dự phiên tòa sơ thẩm.*

Tại phiên tòa hôm nay:

Chị D giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện đối với anh N.

Anh N vẫn vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang trình bày ý kiến: *Về phần thủ tục*, kể từ thời điểm thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành và tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Bị đơn đã không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ mà pháp luật đã quy định đối với bị đơn.

Về việc giải quyết vụ án, trên cơ sở phân tích các quy định pháp luật, đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn nhiều lần vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham dự phiên tòa. Căn cứ vào Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt anh N.

[2] *Về quan hệ tranh chấp*: Trên cơ sở yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ vào Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định vụ án có quan hệ tranh chấp “Ly hôn”.

[3] Về hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị D và anh Trần Hữu N xác lập quan hệ hôn nhân hợp pháp, được Ủy ban nhân dân xã Tân Lý Tây, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 66/2017 ngày 14/11/2017.

Tại phiên tòa, chị D trình bày nhiều vấn đề để cho rằng tình cảm giữa chị và anh N đã có nhiều rạn nứt, không thể hàn gắn để tiếp tục chung sống với nhau. Chị vẫn biết công việc của anh N phải đi làm xa nhà, tuy nhiên cuối tuần anh N được nghỉ 02 ngày, nhưng sau khi cưới được khoảng 04 tháng thì anh lấy lý do để không về nhà thăm chị, tiền lương anh N chỉ đưa cho chị được 02 tháng đầu sau khi cưới, sau đó không thấy anh N gửi nữa, chị có hỏi nhưng anh N nói là do mưa gió không làm nên không có lương. Anh N vô cớ bỏ đi khỏi nhà vào cuối năm 2018, chị có hỏi nhưng anh không nói rõ lý do, cũng không chịu gặp mặt chị, hai bên chỉ trao đổi qua điện thoại. Vợ chồng đã ly thân từ cuối năm 2018 đến nay. Lời trình bày này của chị D phù hợp với nội dung biên bản xác minh ngày 14/02/2022 (bút lục 23). Đối với anh N, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt nhiều lần giấy triệu tập tham dự phiên hòa giải, công khai chứng cứ, tham dự phiên tòa, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra về việc giao nộp, tiếp cận công

khai chứng cứ theo đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự, nhưng anh không có bất kỳ phản hồi nào đối với yêu cầu khởi kiện của chị D, cũng như đến nay anh vẫn vắng mặt không lý do. Điều đó, chứng tỏ anh không có thiện chí hàn gắn tình cảm với chị D.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử nhận thấy, tình cảm vợ chồng giữa anh N và chị D không thể hàn gắn, quan hệ hôn nhân của hai người đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị D yêu cầu được ly hôn với anh N là hoàn toàn có căn cứ được quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị D trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị D trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị D trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Xét lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang phù hợp với những nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về án phí: Chị D phải chịu án phí theo quy định tại điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Áp dụng điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị D.

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D được ly hôn với anh Trần Hữu N.

2/ Về án phí: Chị D phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000đồng tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003834 ngày 05/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Như vậy, chị đã nộp xong án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3/ Quyền kháng cáo: Chị D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- UBND xã Tân Lý Tây, H.Châu Thành;
- Các đương sự trong vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

ĐÃ KÝ

HUỲNH THỊ TRÚC MAI